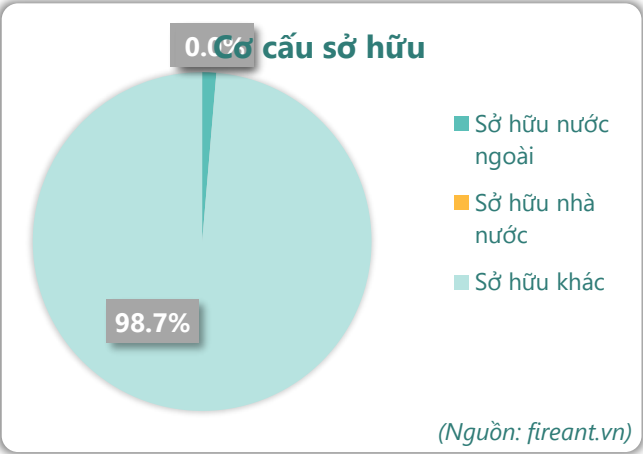
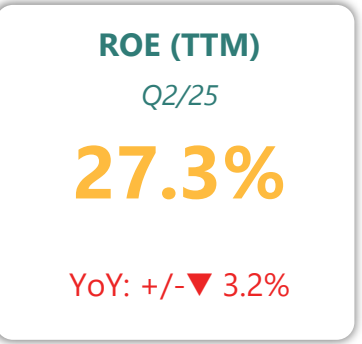
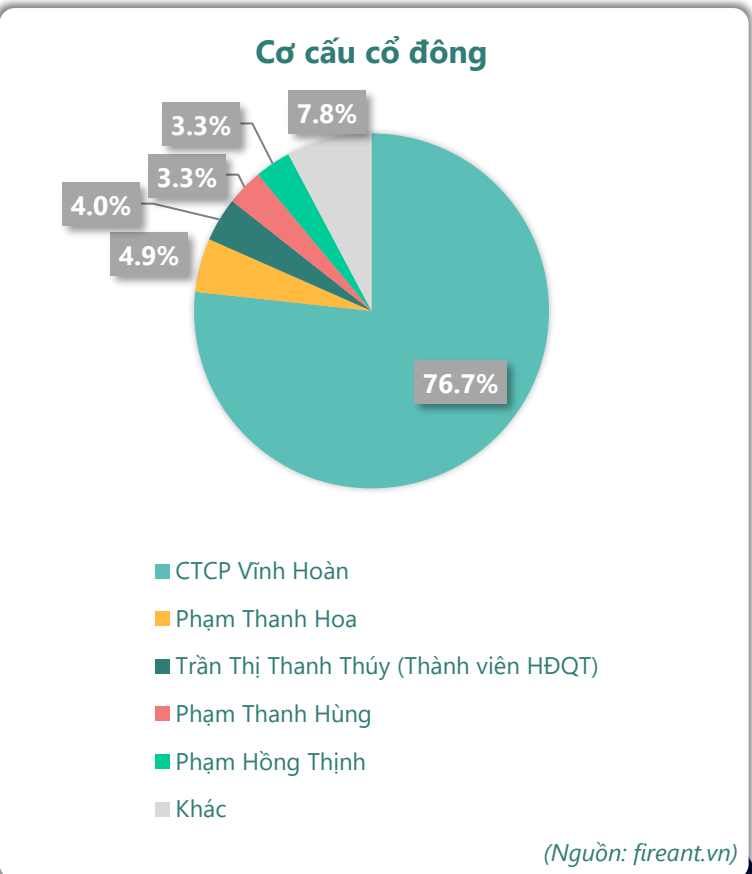
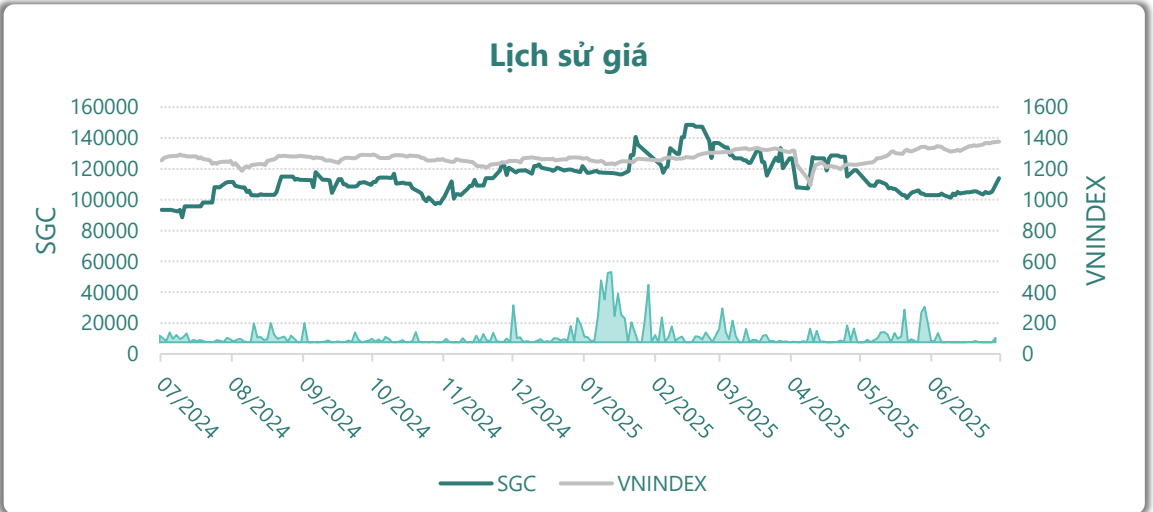


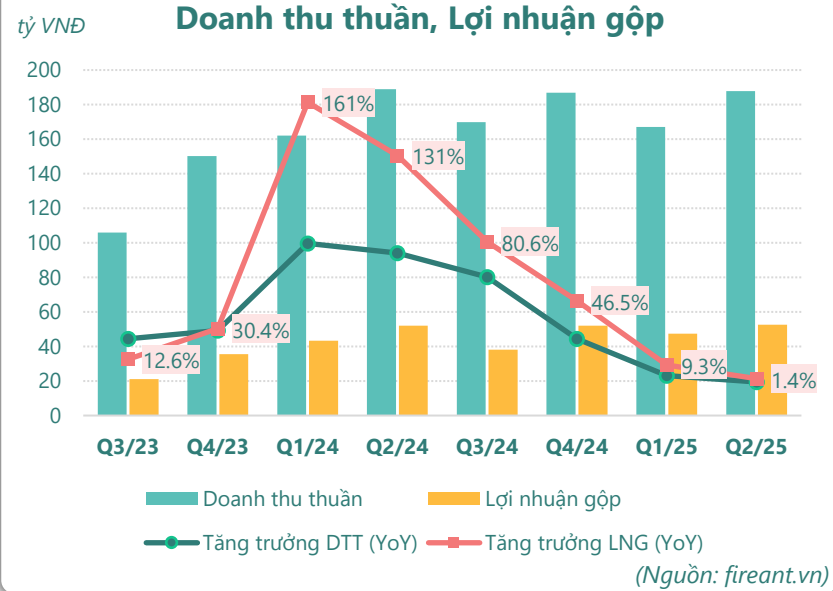
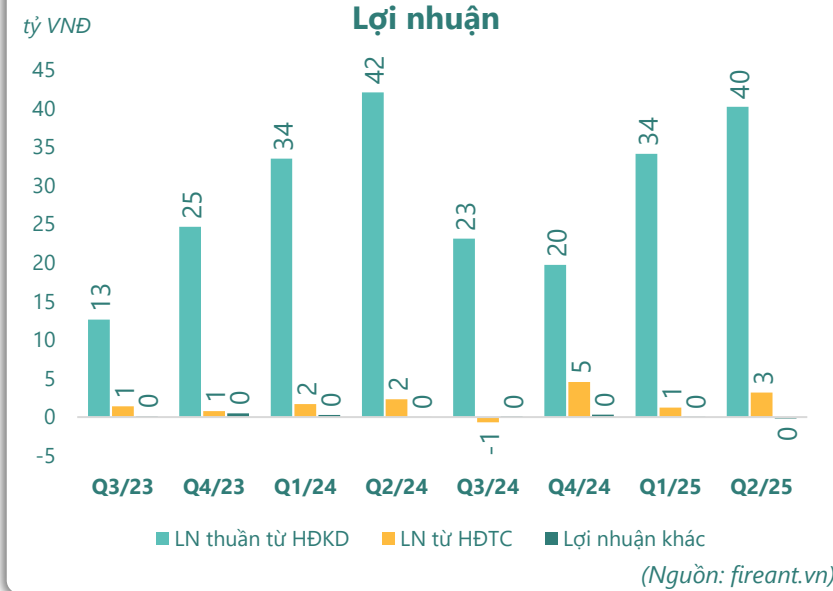
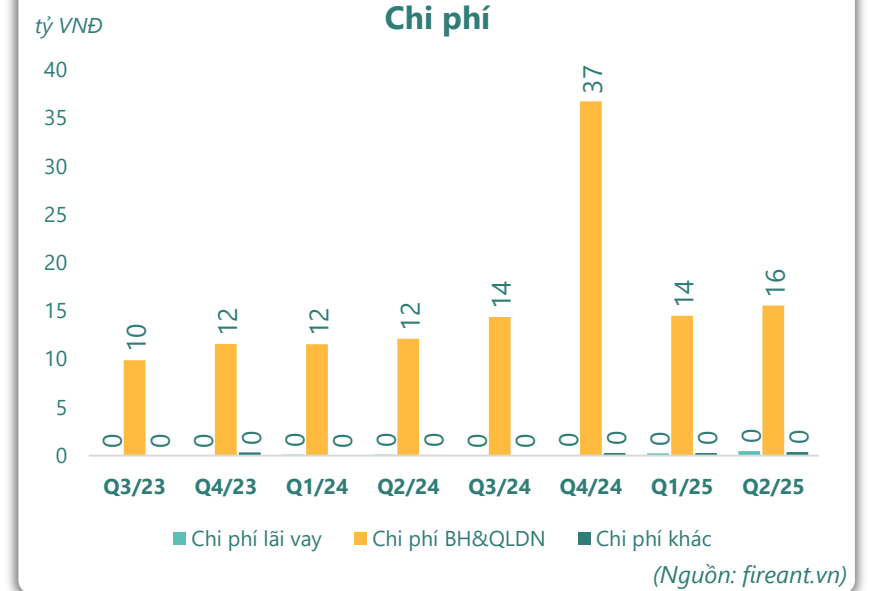
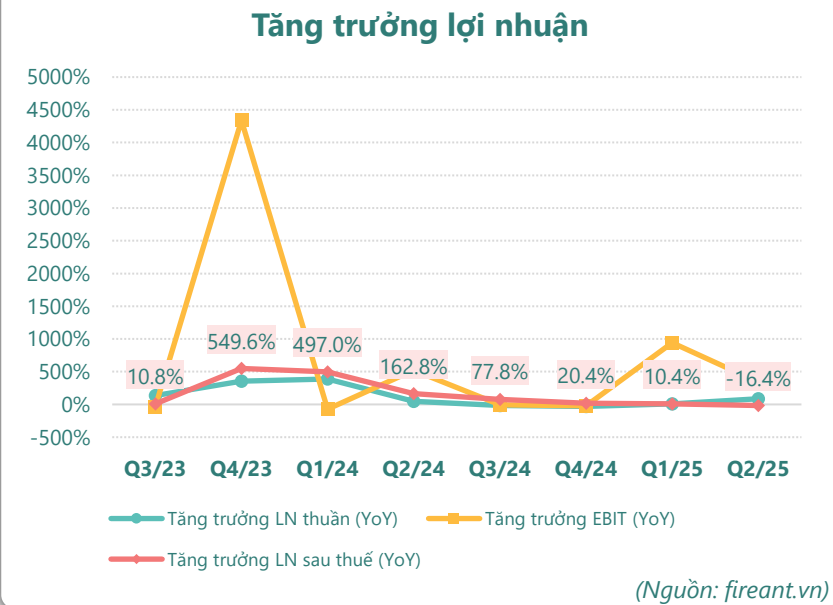
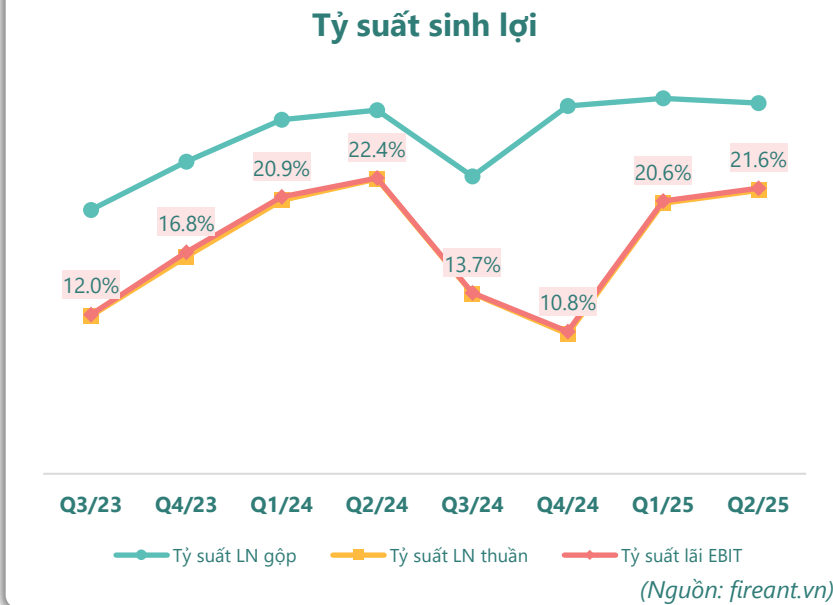
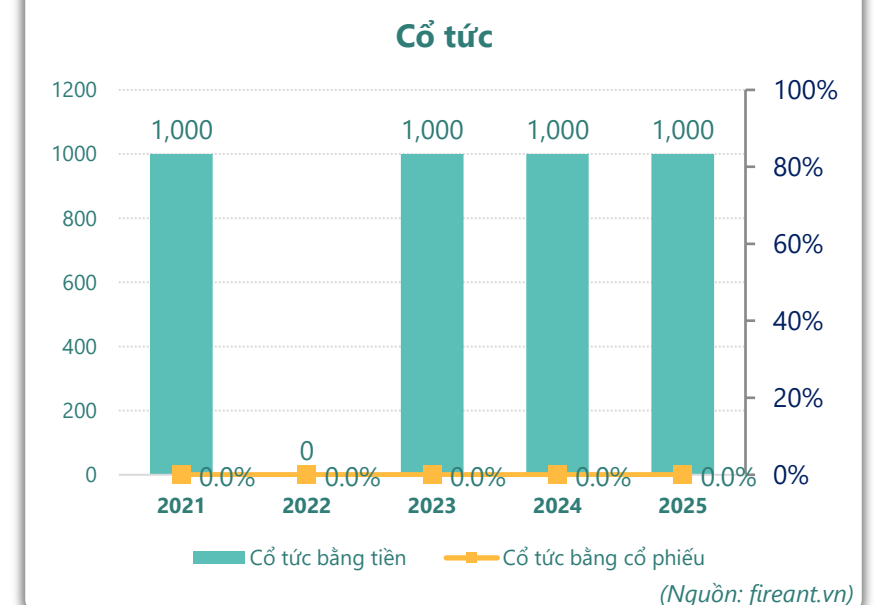
## CTCP Xuất nhập khẩu Sa Giang

|                    |             |         |         |
|--------------------|-------------|---------|---------|
| Ngày<br>30/06/2025 | 115,000 VNĐ |         |         |
| Thay đổi           | 1 tháng     | 3 tháng | 6 tháng |
|                    | 11.6%       | -9.3%   | -3.8%   |

|                       |                  |
|-----------------------|------------------|
| Sàn giao dịch         | HNX              |
| Khoảng giá 52 tuần    | 88,593 - 148,517 |
| Vốn hóa (tỷ VNĐ)      | 822              |
| Số lượng CPLH (CP)    | 7,147,580        |
| KLGD BQ 20 phiên (CP) | 2,570            |
| Sở hữu nước ngoài     | 1.3%             |
| Beta                  | 0.50             |
| EPS                   | 13,752           |
| P/E                   | 8.4              |



## KẾT QUẢ KINH DOANH

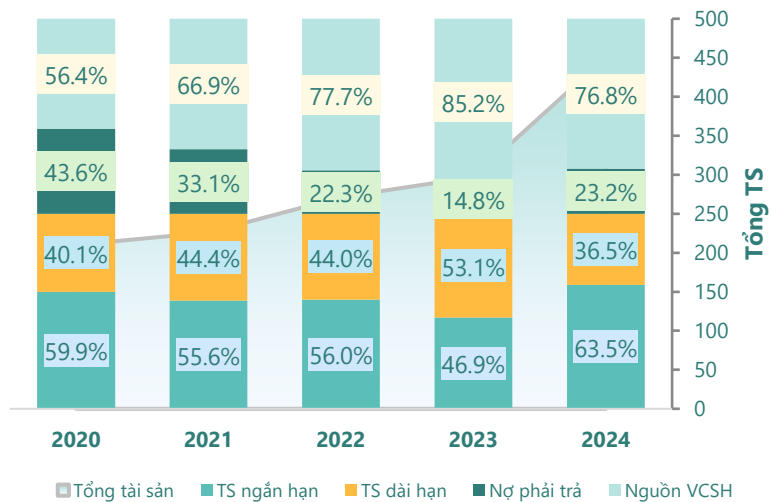




## TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

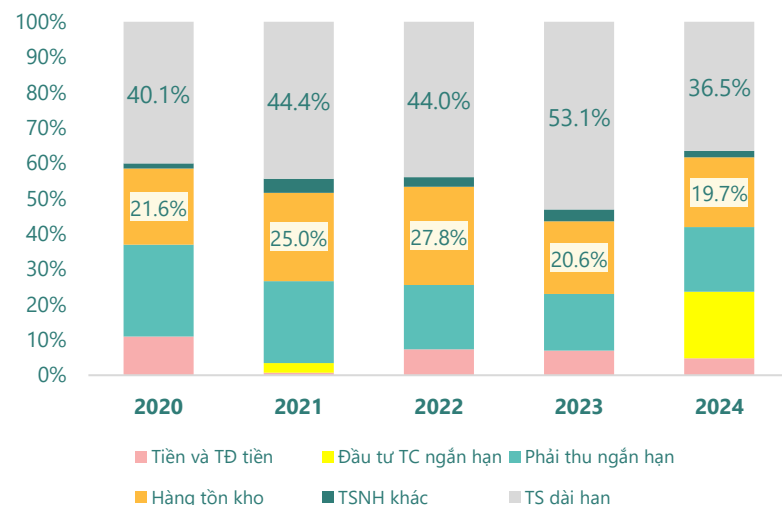
### Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

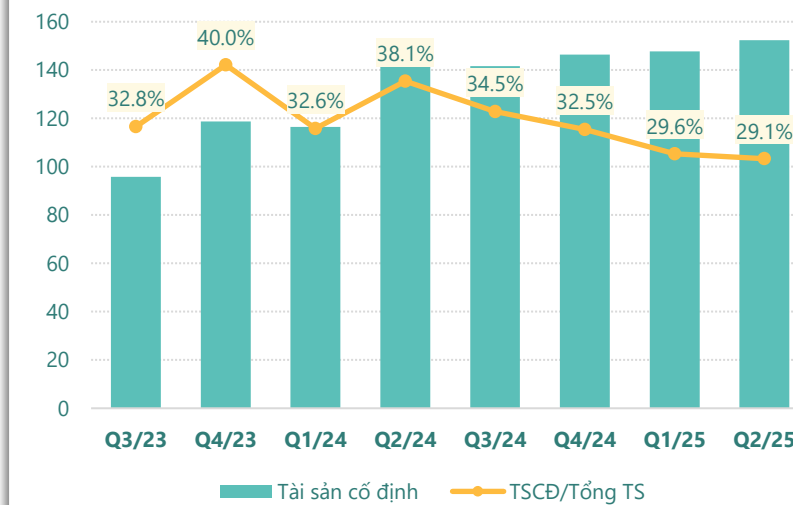
### Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

### Tài sản cố định

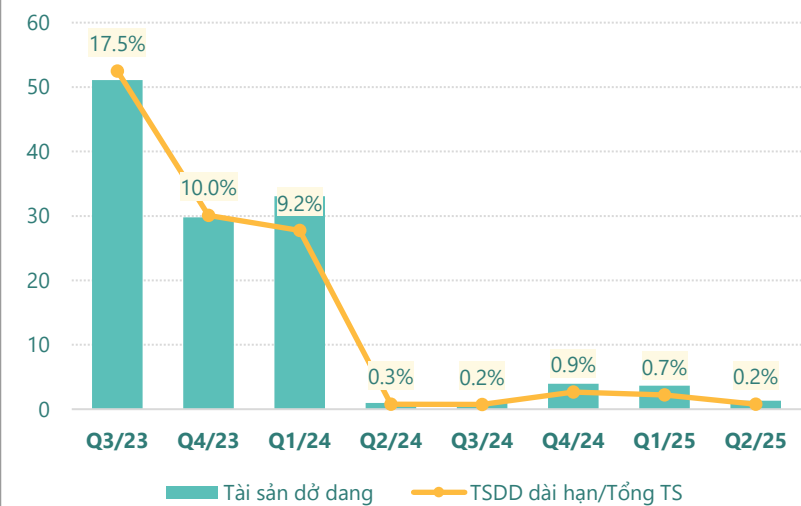
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

### Tài sản dở dang

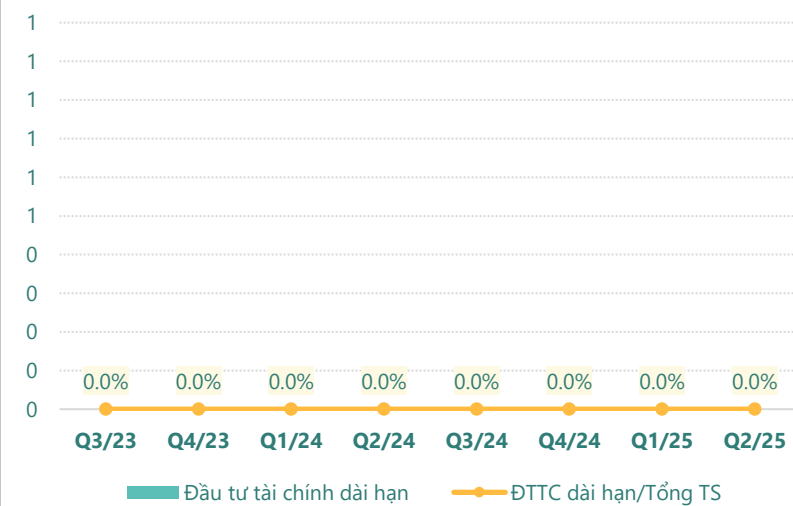
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

### Đầu tư tài chính dài hạn

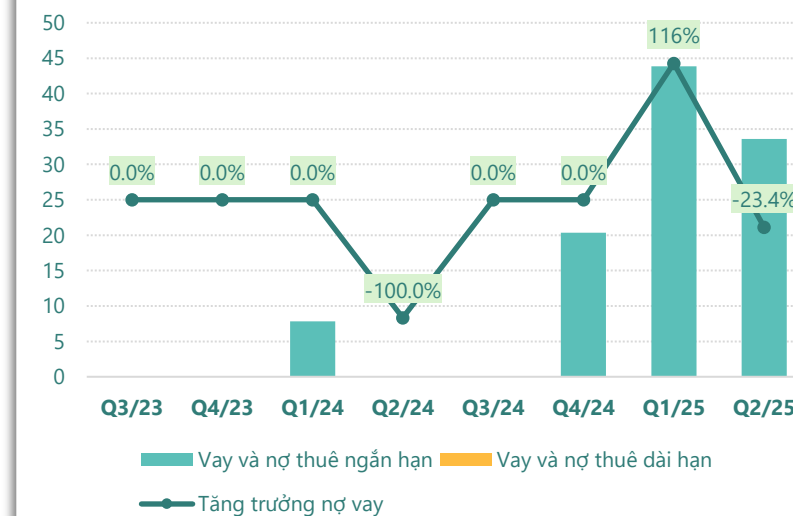
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

### Nợ vay

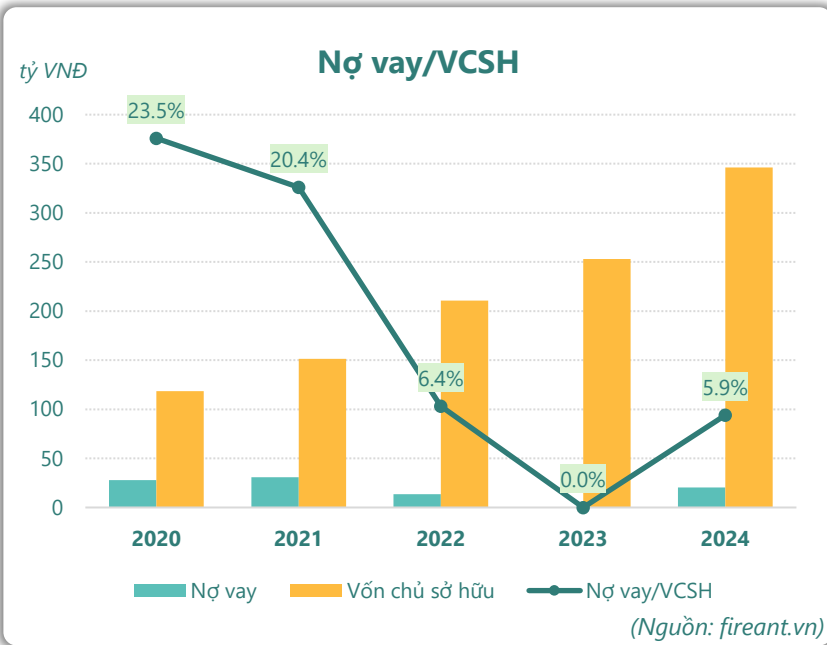
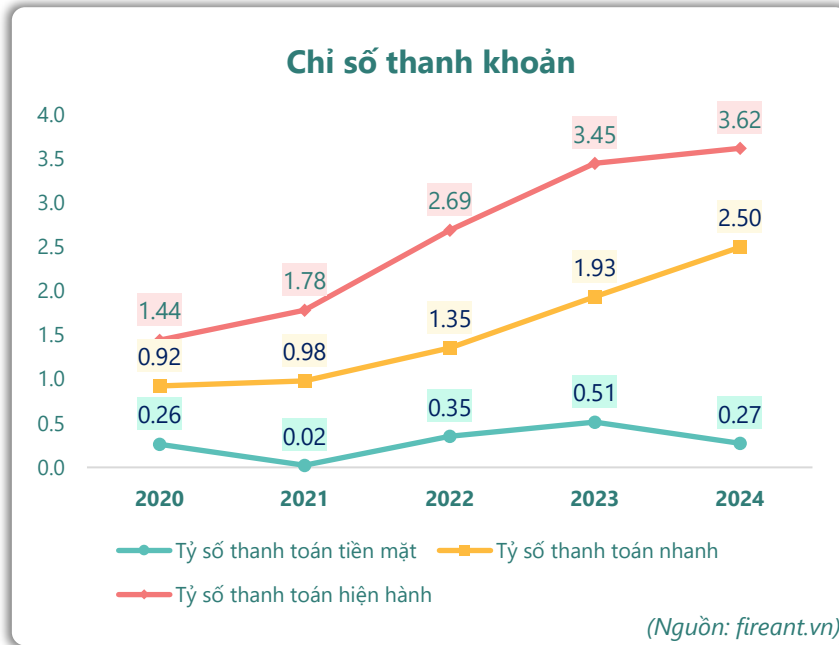
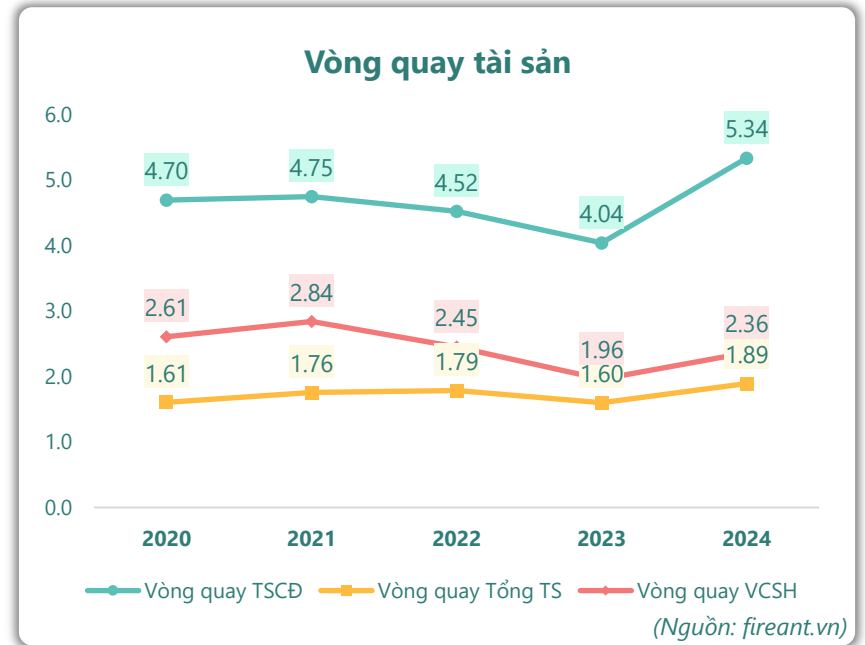
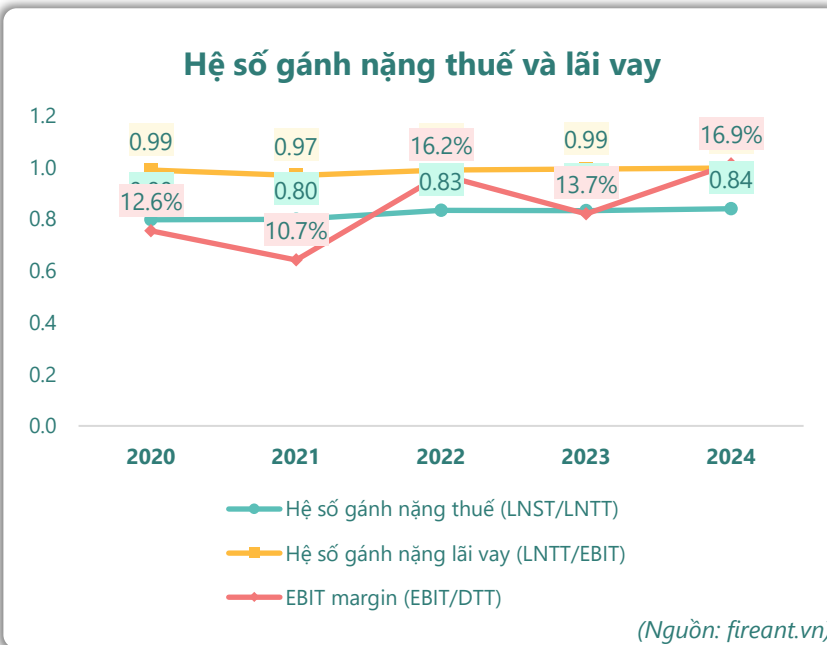
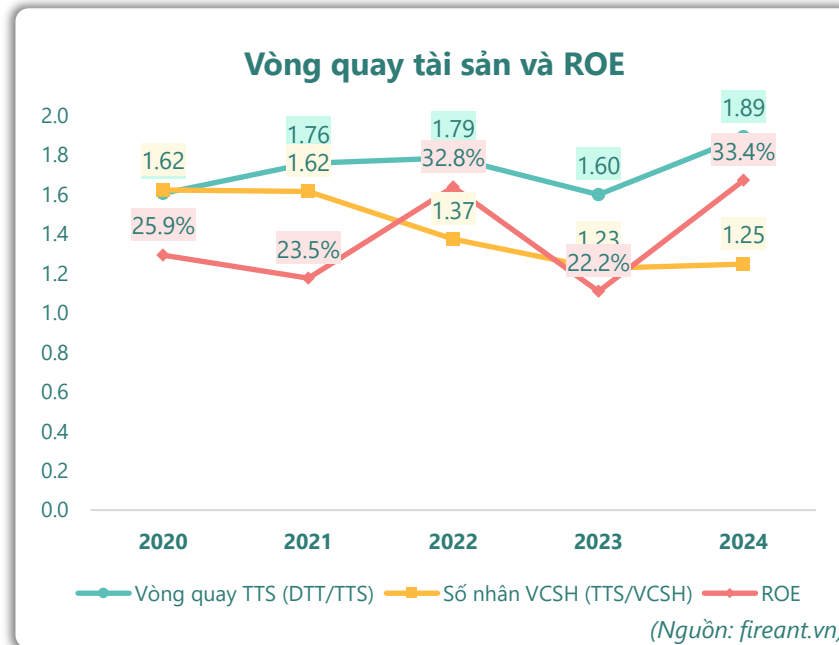
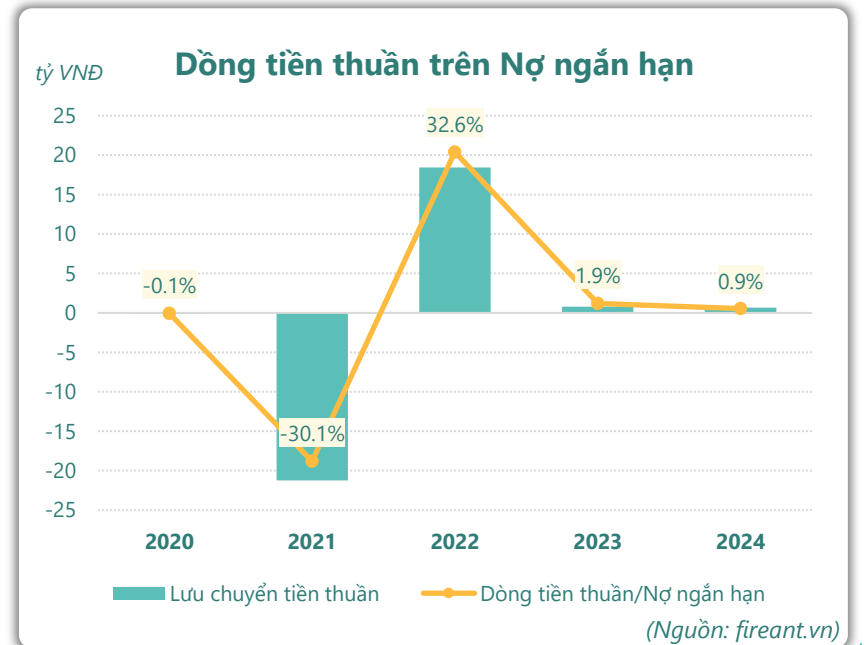
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)



# HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

| (tỷ VNĐ)              | Q2/25 | Q2/24 | Thay đổi YoY | 6T 2025 | 6T 2024 | Thay đổi YoY |
|-----------------------|-------|-------|--------------|---------|---------|--------------|
| Doanh thu thuần       | 188   | 189   | -0.6%        | 355     | 351     | 1.1%         |
| Giá vốn hàng bán      | 135   | 137   | -1.3%        | 255     | 256     | -0.3%        |
| Lợi nhuận gộp         | 52.6  | 51.9  | 1.4%         | 100     | 95.3    | 5.0%         |
| Doanh thu HĐTC        | 3.77  | 2.72  | 38.7%        | 5.50    | 4.62    | 19.2%        |
| Chi phí TC            | 0.60  | 0.41  | 47.0%        | 1.08    | 0.60    | 80.0%        |
| Chi phí lãi vay       | 0.49  | 0.10  | 386%         | 0.71    | 0.23    | 213%         |
| LN trong công ty LKLD | 0     | 0.00  |              | 0       | 0       |              |
| Chi phí bán hàng      | 10.3  | 8.06  | 27.2%        | 18.7    | 15.0    | 24.8%        |
| Chi phí QLDN          | 5.31  | 4.07  | 30.6%        | 11.3    | 8.67    | 30.5%        |
| LN thuần từ HĐKD      | 40.2  | 42.1  | -4.4%        | 74.4    | 75.6    | -1.6%        |
| Lợi nhuận khác        | -0.16 | 0.03  | -635%        | -0.08   | 0.32    | -125%        |
| LN trước thuế         | 40.1  | 42.1  | -4.8%        | 74.3    | 75.9    | -2.1%        |
| Lợi nhuận sau thuế    | 34.4  | 35.9  | -4.3%        | 61.7    | 63.7    | -3.2%        |
| LNST của CĐ cty mẹ    | 34.4  | 35.9  | -4.3%        | 61.7    | 63.7    | -3.2%        |

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

| (tỷ VNĐ)                | Q1/24 | Q2/24 | Q3/24 | Q4/24 | Q1/25 | Q2/25 |
|-------------------------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
| Lưu chuyển tiền từ HĐKD | -9.86 | 48.1  | 51.0  | 9.51  | 1.52  | 41.7  |
| Lưu chuyển tiền từ HĐĐT | -15.1 | -4.63 | -64.9 | -26.6 | 9.23  | -4.36 |
| Lưu chuyển tiền từ HĐTC | 7.81  | -7.81 | -7.15 | 20.3  | 23.5  | -10.2 |
| Tiền đầu kỳ             | 20.7  | 3.59  | 39.2  | 18.2  | 21.5  | 55.9  |
| Lưu chuyển tiền thuần   | -17.1 | 35.6  | -21.0 | 3.21  | 34.3  | 27.1  |
| Ảnh hưởng tỷ giá        | 0.01  | 0.00  | -0.06 | 0.09  | 0.18  | -0.17 |
| Tiền cuối kỳ            | 3.59  | 39.2  | 18.2  | 21.5  | 55.9  | 82.8  |

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

| (tỷ VNĐ)                    | Tại ngày 30/6/2025 | Tại ngày 31/12/2024 | Thay đổi |
|-----------------------------|--------------------|---------------------|----------|
| Tổng tài sản                | 524                | 450                 | 16.4%    |
| Tài sản ngắn hạn            | 354                | 286                 | 23.9%    |
| Tiền và tương đương tiền    | 82.8               | 21.5                | 286%     |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn   | 65.0               | 85.0                | -23.5%   |
| Phải thu ngắn hạn           | 92.0               | 82.5                | 11.6%    |
| Hàng tồn kho                | 104                | 88.7                | 17.0%    |
| Tài sản ngắn hạn khác       | 10.8               | 8.37                | 28.9%    |
| Tài sản dài hạn             | 170                | 165                 | 3.4%     |
| Phải thu dài hạn            | 0                  | 0                   |          |
| Tài sản cố định             | 152                | 146                 | 4.0%     |
| Bất động sản đầu tư         | 0                  | 0                   |          |
| Tài sản dở dang             | 1.31               | 3.97                | -67.0%   |
| Đầu tư tài chính dài hạn    | 0                  | 0                   |          |
| Tài sản dài hạn khác        | 16.4               | 14.1                | 16.3%    |
| Lợi thế thương mại          | 0                  | 0                   |          |
| Nợ phải trả                 | 120                | 104                 | 15.5%    |
| Nợ ngắn hạn                 | 101                | 79.0                | 28.1%    |
| Vay và nợ thuê ngắn hạn     | 33.6               | 20.3                | 65.3%    |
| Phải trả người bán ngắn hạn | 13.7               | 18.2                | -25.0%   |
| Nợ dài hạn                  | 19.2               | 25.3                | -24.0%   |
| Vay và nợ thuê dài hạn      | 0                  | 0                   |          |
| Nguồn vốn chủ sở hữu        | 404                | 346                 | 16.7%    |
| Vốn chủ sở hữu              | 404                | 346                 | 16.7%    |
| Vốn điều lệ                 | 71.5               | 71.5                | 0.0%     |
| Kinh phí và quỹ khác        | 0                  | 0                   |          |

(Nguồn: fireant.vn)

